| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 234/2026/QĐST - HNGĐ | *Quảng Ninh, ngày 27 tháng 5 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213; Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 225/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh Bùi Quang T - sinh năm 1964

Nơi thường trú: 114, khu A, phường C, tỉnh Quảng Ninh

+ Chị Trịnh Thị Thanh T1 - sinh năm 1985

Nơi thường trú: nhà 29, LK 28, khu S, tổ C, khu C, phường B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ I, khu H, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 21/3/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh T, chị T1 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nay anh T, chị T1 xác định không còn tình cảm, không còn khả năng đoàn tụ, không thể tiếp tục kéo dài đời sống chungVì vậy, việc anh T, chị T1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 có 02 con chung là Bùi Mỹ P, sinh ngày 29/01/2015 và Bùi Minh K, sinh ngày 21/5/2019. Nay ly hôn anh T và chị T1 thống nhất thỏa thuận: chị T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 thỏa thuận: chị Trịnh Thị Thanh T1 là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành của các đương sự ngày 19 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 có 02 con chung là Bùi Mỹ P, sinh ngày 29/01/2015 và Bùi Minh K, sinh ngày 21/5/2019. Chị T1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh Bùi Quang T và chị Trịnh Thị Thanh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: chị Trịnh Thị Thanh T1 tự nguyện chịu toàn bộ 300.000$^{đ}$ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T1 đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015533598 ngày 06/5/2026 của Công ty P1 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 156 ngày 12/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh. Chị T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự; Văn phòng.

**THẨM PHÁN**
**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Bạch Bích**